

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2021

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kim Thị Hồng Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Minh Rảnh

2. Ông Nguyễn Trần Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Liêng Thị Kim Ngân, là Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đồng - kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trầm Thị Thúy T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở: Ấp T, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh). Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Kiên Kèo Sa H (tên gọi khác: Sóc), sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Con chung:* Cháu Kiên Sóc Sô Phia R, sinh ngày 12/3/2018

- *Người phiên dịch:* Bà Sơn Thị H1, sinh năm 1957. Địa chỉ khóm 2, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2021, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trầm Thị Thúy T trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Chị và anh Kiên Kèo Sa H không quen biết trước mà được người quen mai mối, giới thiệu. Sau đó tìm hiểu không bao lâu thì kết hôn vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Cưới xong chị và Sa H sống chung gia đình nhà anh Sa H, thời gian đầu vợ

chồng hạnh phúc, nhưng được khoảng 04 tháng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh Sa H luôn nghe theo lời cha mẹ bên anh về mọi chuyện, không có chính kiến làm kinh tế xây dựng gia đình, không quan tâm, thông cảm, chăm sóc cho chị lúc mang thai, một mình chị gánh vác tất cả các khoản chi tiêu trong gia đình. Nhưng chị cố gắng chịu đựng mà không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi từ những việc nhỏ nhặt nhất nên từ khoảng tháng 3/2020 chị trở về nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã B sống và hai người không còn sống chung từ tháng 3/2020 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh Sa H đến nhà chị 02 lần, lần 01 đến kêu chị về mà nói chị bị ma nhập nên tự ý bỏ về nhà không nói với ai trong khi chị có xin phép cha anh Sa H, lần 02 đến kêu chị dọn đồ cho con để anh Sa H đem con về nuôi nhưng chị không đồng ý. Từ đó, hai bên bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng, chị quyết không về nhà anh Sa H nữa và yêu cầu ly hôn với anh Sa H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị và anh Sa H có 01 con chung là cháu Kiên Sốc Sô Phía R, sinh ngày 12/3/2018 hiện do chị nuôi. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con tiếp và không yêu cầu anh Sa H cấp dưỡng nuôi con. Chị có công việc tại TP. HCM nên gửi con nhờ cha mẹ chị trông nom, thu nhập trung bình từ 7.000.000đ/tháng đến 8.000.000đ/tháng đảm bảo đủ khả năng nuôi con tốt, một tháng chị gửi tiền nuôi con 3.000.000đ và được nghỉ 01 ngày phép nên về thăm con thường xuyên. Giao con chị nuôi chị không gây khó khăn, đảm bảo cho anh Sa H được thăm con thường xuyên, nếu không làm được thì chị đồng ý giao cho anh Sa H nuôi theo yêu cầu.

Quyền về tài sản chung: Trong thời gian sống chung gia đình anh Sa H, chị và anh Sa H có tạo lập được một số tài sản chung, nhưng giá trị không lớn nên chị giao hết cho bên anh Sa H sở hữu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho chị.

Nghĩa vụ chung về tài sản chung: Trước đây lúc còn sống chung, chị và anh Sa H có mượn tiền một số người quen, nhưng trước khi về nhà cha mẹ ruột thì chị và anh Sa H đã trả hết không còn thiếu tiền ai cũng không có cho người nào mượn tiền nên chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, về hôn nhân chị T kiên quyết giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Sa H vì cho rằng không còn thương yêu anh Sa H, không mong muốn đoàn tụ; con chung chị yêu cầu nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng; quyền nghĩa vụ chung về tài sản cũng không có yêu cầu gì.

*Tại bản tự ngày 09/4/2021 lời khai quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Kiên Kèo Sa H trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Anh thừa nhận cùng chị Trâm Thị Thúy T xác lập quan hệ hôn nhân như lời chị T khai là đúng và cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng nên thường xảy ra cự cãi với nhau do chị T hay giận lẫy và sau mỗi lần cãi nhau là chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Lần sau cùng là khoảng tháng 3/2020, lúc đó anh chỉ nói chị T một câu là chuyện gì trong nhà cũng nhờ anh, xong hai người cũng cãi qua lại vài câu, do tức giận nên anh đập bàn một cái và lớn tiếng nên chị T cũng giận rồi tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột (tại ấp T, xã B,

huyện D, tỉnh Trà Vinh) sống cho đến nay không chịu về nhà. Trong thời gian này anh có đến nhà chị T 02 lần kêu chị T về nhưng chị T không chịu về mà còn năn nỉ anh đừng đến nữa. Sau đó vì giận cha mẹ chị T ngăn cản không cho dẫn con về chơi nên anh không đến nhà chị T nữa. Vì còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Kiên Sốc Sô Phia R, sinh ngày 12/3/2018 hiện do chị T nuôi. Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì anh cũng yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh chưa có công việc và thu nhập ổn định, nhưng nhà có trồng rẫy, làm ruộng nên đảm bảo có khả năng nuôi con tốt.

Quyền về tài sản chung: Anh Sa H cũng thống nhất không yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về sti sản chung: Anh Sa H cũng thừa nhận trước đây lúc còn sống chung, hai người có mượn tiền một số người quen, nhưng đến nay đã trả hết không còn thiếu tiền ai cũng không có cho người nào mượn tiền nên anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, về hôn nhân anh Sa H giữ ý kiến không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ vì anh cho rằng không muốn bỏ vợ; con chung anh cũng yêu cầu nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy thu nhập từ việc đi đánh nhạc, làm thuê không ổn định chỉ khoảng 4.000.000đ – 5.000.000đ/tháng, khi thì 7.000.000đ – 8.000.000đ/tháng và nuôi cha mẹ già đều trên 70 tuổi cùng với người anh bị bệnh không có vợ, con (không nhận thức được hành vi, không lao động được) nhưng gia đình anh có làm ruộng, trồng rẫy nên đảm bảo nuôi con tốt. Từ ngày anh và chị T không sống chung tháng 3/2020 đến nay, anh không biết chị T có nuôi con tốt hay không, nhưng thấy con khỏe mạnh và không thấy có xảy ra chuyện gì với con; quyền nghĩa vụ chung về tài sản anh cũng không có yêu cầu gì.

*Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2021 đối với ông Từ Văn C cho biết:* Ông là Trưởng Ban nhân áp A. Anh Sa H và chị T sau khi kết hôn là chị T làm dâu sống bên nhà anh Sa H, họ chưa từng xảy ra chuyện gì để yêu cầu chính quyền giải quyết, chỉ nghe nói có thường xuyên cự cãi nhỏ do anh Sa H không chịu làm ăn, lo cho vợ con nên chị T dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở. Nay chị T yêu cầu ly hôn tùy Tòa án quyết định.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trâm Thị Thúy T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 giấy khai sinh con chung. Tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ bổ sung.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo thông báo, giấy triệu tập tham gia đầy đủ.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa qua lời trình bày yêu cầu của hai bên đương sự, Kiểm sát viên phân tích, đánh giá các tình tiết, tích chất của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân, chấp nhận cho chị Trầm Thị Thúy T được ly hôn với anh Kiên Kèo Sa H.

Về con chung, giao con chung là cháu Kiên Sóc Sô Phia R, sinh ngày 12/3/2018 cho chị Trầm Thị Thúy T tiếp tục nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung, không có nên không giải quyết.

Án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của chị Trầm Thị Thúy T và anh Kiên Kèo Sa H trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện chị Trầm Thị Thúy T và anh Kiên Kèo Sa H kết hôn với nhau năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Trà Vinh theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị Trầm Thị Thúy T với anh Kiên Kèo Sa H là hợp pháp. Nguyên nhân chị Trầm Thị Thúy T yêu cầu ly hôn do không còn tình cảm với anh Sa H, mất niềm tin với anh Sa H vì quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi và chị T nhiều lần trở về nhà cha mẹ ruột sống, từ tháng 3/2020 hai người không còn sống chung với nhau.

Nhận thấy, qua hai lần Tòa án tiến hành hoà giải để hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết giữ yêu cầu ly hôn. Anh Sa H mong muốn đoàn tụ và không đồng ý ly hôn, nhưng anh cũng thừa nhận tất cả những mâu thuẫn, cự cãi giữa anh với chị T là có thật. Tại phiên tòa, anh Sa H còn khai chị T đã nhiều lần tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở sau mỗi lần vợ chồng cãi nhau, vào khoảng tháng 02 – 3/2020 chị T cũng tự ý bỏ đi và 02 lần anh đến kêu về nhưng chị T kiên quyết không về nên anh không quan tâm nữa, cũng không tìm cách hay biện pháp khác để chị Trầm quay về nhà, chị T thì xác định rõ ràng là không quay về đoàn tụ với anh Sa H. Điều này chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh Sa H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể quay lại sống chung và mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T được ly hôn với anh Sa H.

[2] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, chị Trầm Thị Thúy T và anh Kiên Kèo Sa H cùng khai có con chung là cháu Kiên Sóc Sô Phia R, sinh ngày 12/3/2018 đang sống chung chị T. Chị T và anh Sa H đều có yêu cầu được nuôi sau khi ly hôn.

Xét thấy, từ tháng 3/2020 chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiên Sóc Sô Phia R và tại phiên tòa chị T chứng minh có công việc thu nhập ổn định

đảm bảo đủ điều kiện nuôi con tốt. Anh Sa H cũng xác nhận từ tháng 3/2020 chị T nuôi con không để con xảy ra chuyện gì, với công việc đánh đàn, làm thuê thu nhập không ổn định mà còn nuôi cha mẹ già trên 70 tuổi, nuôi người anh bệnh không lao động được thì anh Sa H sẽ không đảm bảo điều kiện về kinh tế nuôi con tốt bằng chị T được. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và tránh gây xáo trộn, ảnh hưởng sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu Kiên Sóc Sô Phía R do thay đổi nơi ở, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Sa H về việc đòi nuôi con, giao chị T được quyền nuôi con tiếp sau khi ly hôn.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử có giải thích cho các đương sự rõ về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng chị T không yêu cầu và anh Sa H không có ý kiến khác nên không giải quyết.

[4] Về quyền đối với tài sản chung: Chị Trầm Thị Thúy T và anh Kiên Kèo Sa H thống nhất không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ đối với tài sản chung: Chị Trầm Thị Thúy T khai không có và không yêu cầu gì khác, anh Kiên Kèo Sa H cũng thống nhất và không có yêu cầu gì khác nên không giải quyết.

[6] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trầm Thị Thúy T.

Về hôn nhân: Cho chị Trầm Thị Thúy T được ly hôn với anh Kiên Kèo Sa H. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao cháu Kiên Sóc Sô Phía R, sinh ngày 12/3/2018 cho chị Trầm Thị Thúy T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về quyền đối với tài sản chung: Không giải quyết.

Về nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trầm Thị Thúy T chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003866 ngày 25/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Chị Trầm Thị Thúy T đã nộp đủ án phí, không phải nộp tiếp. Anh Kiên Kèo Sa H không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Kim Thị Hồng Nga**